



pào chá

泡茶

verb · to brew tea

Example Sentences

Kè rén lái le, wǒ qù pào chá.
客人来了，我去泡茶。

The guests have arrived, so I'll go brew tea.

Yé ye měi tiān zǎo shàng xǐ huan pào chá.
爷爷每天早上喜欢泡茶。

Grandpa likes to brew tea every morning.

Qǐng xiān bǎ shuǐ shāo kāi, zài pào chá.
请先把水烧开，再泡茶。

Please boil the water first, then brew tea.

Trace each character, then write the word on your own.

泡	泡	泡	泡	泡	泡	泡	泡	泡	泡	泡
茶	茶	茶	茶	茶	茶	茶	茶	茶	茶	茶
茶										